TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2023
(V/v: Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh L Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga, bà Nguyễn Thị Thùy Linh

- ***Thư ký ghi phiên tòa***: ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình*** *tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị L, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh Bùi Văn L1, sinh năm 1981

Cùng có HKTT: xóm Đ, M, Tp H, tỉnh Hòa Bình.

Các đương sự đều có đơn và trình bày xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các bản khai, nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/5/2023, chị Bùi Thị L, nộp đơn xin ly hôn với anh Bùi Văn L1, với nội dung: Ngày 30/11/2001, chị L kết hôn với anh L1, có đăng ký kết hôn theo tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, do hai bên không hòa hợp với nhau về tính cách, về quan điểm sống, anh L1 giao du bạn bè, không chăm lo, chí thú làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh L1.

Về con chung: có 02 con chung là:

- Bùi Thị Liên, sinh ngày 15/5/2002; đã xây dựng gia đình riêng.

- Bùi Thu Trang, sinh ngày 10/02/2007; đang ở cùng với bố. Khi ly hôn, chị L xin được nuôi con gái Bùi Thu Trang, không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L khai trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về nội dung này.

Tòa án đã hòa giải nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn với anh L1. Vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm.

Ngày 02/8/năm 2023, chị L đã nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc bận rộn; chị L đề nghị Tòa án cho chị L vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ý kiến của bị đơn:

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị L, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Bùi Văn L1. Tiến hành thông báo triệu tập đương sự, nhưng anh L1 liên tục vắng mặt không có lý do. Chỉ có một lần đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 14/7/2023 nhưng sau đó lại bỏ về, không ký biên bản. Theo đề nghị của chị L, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương; ý kiến của anh L1 ban đầu là không muốn ly hôn còn các nội dung khác về thời gian kết hôn, nội dung mâu thuẫn, các con chung, tài sản chung và công nợ chung anh L1 thừa nhận chị L khai là đúng. Chỉ có điều là anh không muốn ly hôn nên không muốn đến Tòa và có 1 lần đến thì không ký vào biên bản.

Khi được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh L1 thấy tình trạng vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc, chị L không còn về nhà chung sống với anh L1 nữa. nên anh L1 cũng có ý kiến nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L1, anh L1 từ chối đến Tòa án và đến phiên tòa. Anh nhất trí về việc anh L1 được quyền nuôi dưỡng con gái thứ hai còn chưa thành niên, việc cấp dưỡng là tùy tâm chị L.

3. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Anh L1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh L1 có lúc nóng giận đã đánh chị L 1 lần; hiện tại hai người sống ly thân đã lâu. Bà Bùi Thị Mộc là mẹ đẻ của anh L1 chung sống cùng nhà với vợ chồng anh L1 cũng thừa nhận việc mâu thuẫn vợ chồng anh L1 và chị L; xác nhận hiện tại anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị L kiên quyết nói là muốn được ly hôn với anh L1. Bà không ý kiến gì thêm.

4. Những nội dung thống nhất, không thống nhất:

Hai bên đương sự đều trình bày thống nhất về toàn bộ các vấn đề của vụ án (về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung).

Hai bên đương sự đều nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

**/ Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L và anh L1 đều có văn bản xin vắng mặt tại phiên tòa. Việc các bên đương sự nghị vắng mặt của các đương sự là phù hợp Điều 228, 238, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**/ Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị L và anh L1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh L1.

- *Về con chung*: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình giao con chưa thành niên Bùi Thu Trang cho anh Bùi Văn L1 nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra, vì anh L1 chưa có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung theo pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* các bên đều khai không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Bùi Văn L1, có địa chỉ tại xóm Đồng Giang, xã Mông Hóa, Thành phố Hòa Bình. Chị L nộp đơn xin ly hôn với anh L1 - đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: đã phù hợp với quy định 228, 238, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2]. Về nội dung vụ án**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị L và anh L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trước khi làm đơn ly hôn thì L và anh L1 đã sống ly thân từ 6 – 7 năm nay. Nguyên nhân do anh L1 thường xuyên giao du bạn bè, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Hội đồng xét xử thấy thực trạng cuộc sống chung vợ chồng chị L và anh L1 xảy ra mâu thuẫn đã lâu, đã được mẹ chồng động viên, hòa giải nhưng chị L vẫn không về lại nhà chung sống vợ chồng với anh L1 nữa. Nay anh L1 cũng đồng ý ly hôn và chị L, anh L1 đều đề nghị Tòa án xét xử việc ly hôn vắng mặt anh chị. Như vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh L1 để ổn định cuộc sống. Phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: nên giao con cho chung chưa thành niên Bùi Thu Trang, sinh ngày 10/02/2007 cho anh L1 tiếp tục nuôi dưỡng như hiện nay là phù hợp. Con gái lớn tên Bùi Thị Liên đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng, HĐXX không đề cập.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh chị đều khai không có gì, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 228, 238, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân : xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn L1.

2. Về con chung: giao con chung chưa thành niên tên: Bùi Thu Trang, sinh ngày: 10/02/2007 cho anh Bùi Văn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh L1 chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con chị Bùi Thị L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004949 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt (chị L và anh L1) có quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình;
- VKSND Tỉnh Hòa Bình;
- THADS Tp. Hòa Bình;
- UBND xã …….....
Tp Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh L Hương